

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: 2 M, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Ngô Thị T1 – Văn phòng luật sư V và T2; trụ sở: tổ F, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái T3**, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Vào đầu năm 2014 tôi quen ông Nguyễn Thái T3 khi chúng tôi cùng làm công nhân và thuê trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, đến đầu 2015 thì chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Trong thời gian chung sống chúng tôi không có con chung, tài sản chung gì cả. Đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống

01 năm thì chúng tôi nhận thấy không có hợp nhau về tính cách, lối sống nên đến đầu năm năm 2015 thì không còn chung sống nữa.

Nay tôi đề nghị Toà án không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa tôi và ông T3.

Bị đơn ông Nguyễn Thái T3 trình bày:

Tôi và cô Lê Thị Kim T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn vào đầu năm 2014 đến đầu 2015 thì chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Trong thời gian chung sống chúng tôi không có con chung, tài sản chung gì cả. Đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống 01 năm thì chúng tôi nhận thấy không có hợp nhau về tính cách, lối sống nên năm 2015 thì không còn chung sống nữa.

Nay bà T đề nghị Toà án không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa tôi và bà T thì tôi cũng đồng ý.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn. Do nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thái T3 có nơi cư trú tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn*”. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T và ông T3 cùng trình bày bà T và ông T3 chung sống với nhau 01 năm, từ năm 2014 đến năm 2015, trong thời gian sống chung, giữa bà T và ông T3 nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không hoà hợp trong tính cách, lối sống nên đã không còn chung sống. Từ những

căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa ông T3, bà T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T, tuyên bố ông bà T và ông T3 không phải là vợ chồng.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Thái T3.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008379 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đakia;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly